TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2018/DS-ST
Ngày 24- 4 - 2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Châu Trung Trực
Ông Nguyễn Văn Hiển

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên toà: Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị H, sinh năm 1956 (có mặt)
- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh N và chị Trần Kiều T (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TLB, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 30/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:*

Ngày 12/12/2012 âm lịch anh N và chị T có hỏi vay của bà số tiền 20.000.00 đồng, lãi suất theo thỏa thuận là 2000 đồng/triệu/ngày, khi vay có làm biên nhận nhưng không quy định thời gian trả nhưng anh N, chị T có hứa với bà khoảng 4 tháng sau trả lại. Từ ngày vay anh N và chị T có đóng lãi cho bà đầy đủ đến ngày 12/3/2013 âm lịch thì ngưng không đóng lãi cũng như không trả vốn cho bà mặc dù bà có đòi nhiều lần. Khoảng cuối năm 2013 thì vợ chồng anh N chị T bỏ địa phương đi nơi

khác, sau khi đi khoảng 4 tháng sau chị T có điện thoại cho bà hứa hẹn đi làm để gởi tiền đóng lãi cho bà và sẽ trả vốn sau nhưng sau đó không thực hiện và không liên lạc với bà. Nay bà yêu cầu anh N và chị T phải trả cho bà tiền vốn là 20.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 12/3/2013 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử là ngày 24/4/2018 theo mức lãi 1,66%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 12/12/2012 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử là ngày 24/4/2018.

** Đối với bị đơn:* Anh Trần Thanh N và chị Trần Kiều T trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết có tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N, chị T hợp lệ nhưng anh N, chị T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

** Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: xác định đúng tư cách đương sự, quá trình giải quyết vụ án đã thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ, giao nhận thông báo và thời hạn xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70,71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại các điều Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc anh N và chị T phải trả cho bà H số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật được đối trừ số tiền lãi anh N, chị T đã đóng 3 tháng là 3.600.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm anh N, chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N, chị T đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh chị không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Thanh N và chị Trần Kiều T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Thấy rằng giữa bà H và anh N, chị T có giao dịch hợp đồng vay tài sản với nhau được thể hiện tại biên nhận ngày 12/12/2012 âm lịch nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Xét về nội dung tranh chấp:

Bà H khởi kiện anh N và chị T yêu cầu trả cho bà số tiền vốn là 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên nhận ngày 12/12/2012 âm lịch thể hiện nội dung *"Tôi đứng tên: Trần Thanh Nghi có mượn số tiền của anh chị ba Tuấn là (20.000.000 đồng) lãi xuất 1 triệu ngày 2 ngàn (hai chục triệu đồng)"*. Quá trình giải quyết vụ án bà H khai ông Ba T là chồng bà có tên đầy đủ là Trần Quốc T, khi viết biên nhận anh N để nợ vợ chồng bà nhưng ông T không kiện mà giao toàn quyền cho bà khởi kiện. Đối với ông T xác định ông và bà H đồng ý cho vợ chồng anh N vay 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày, tiền vay là tài sản chung của ông và bà H nhưng do bà H là người trực tiếp quản lý tiền và trực tiếp giao tiền cho vợ chồng anh N, nay bà H có quyền quyết định khởi kiện anh N, chị T ông không yêu cầu gì. Do đó, theo biên nhận ngày 12/12/2012 xác định anh Trần Thanh N có vay bà Lâm Thị H số tiền 20.000.000 đồng là có căn cứ nên buộc anh N phải trả cho bà H 20.000.000 đồng tiền vốn vay là phù hợp.

Đối với lãi suất của số tiền vay: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật của số tiền vay từ ngày 12/12/2012 âl đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/4/2018 (nhằm ngày 09/3/2018âl). Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm bằng 0,75%/tháng; 0,75%/tháng x 150% = 1,125%/tháng, lãi suất được tính như sau: Số tiền 20.000.000đ vay ngày 12/12/2012 âl, lãi suất đến ngày 03/12/2016âl (nhằm ngày 23/01/2013dl đến ngày 31/12/2016dl) được tính: 20.000.000đ x 1,125%/tháng x 03 năm 11 tháng 8 ngày = 10.635.000đồng; Căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 lãi suất tính từ ngày 04/12/2016âl đến ngày 09/3/2018âl (nhằm ngày 01/01/2017dl đến ngày 24/4/2018dl – ngày xét xử sơ thẩm) được tính: 20.000.000đ x 1,66%/tháng x 01 năm 3 tháng 23 ngày = 5.234.518 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 15.869.518 đồng.

Tại phiên Tòa bà H xác định quá trình vay anh N và chị T có đóng lãi cho bà được 3 tháng bằng 3.600.000 đồng bà đồng ý đối trừ vào phần tiền lãi 15.869.518 đồng. Xét thấy tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng"*. Do đó, lãi suất các bên thỏa thuận là vượt quá 150% so với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà H đồng ý đối trừ cho anh N, chị T xét thấy phù hợp nên được chấp nhận. Như vậy, lãi suất anh N phải trả cho bà H là 12.269.518 đồng. Tổng cộng vốn, lãi anh N phải trả cho bà H là 32.269.518 đồng.

Xét về trách nhiệm trả nợ: Tại thời điểm giao dịch vay tài sản do anh N thực hiện nhằm mục đích để sử dụng chung cho vợ chồng nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Mặc khác, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N và chị T hợp lệ nhưng anh chị không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Đây là căn cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, buộc anh N và chị T cùng có nghĩa vụ phải trả tổng các khoản nợ trên cho bà H.

Như nhận định trên tổng số tiền vốn, lãi vay anh N và chị T phải trả cho bà H là 32.269.518 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên anh N và chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị H. Buộc anh Trần Thanh N và chị Trần Kiều T phải trả cho bà Lâm Thị H tổng số tiền là 32.269.518 đồng (ba mươi hai triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh N và chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh N và chị Trần Kiều T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.613.475 đồng (một triệu sáu trăm mười ba nghìn bốn trăm bảy mươi năm đồng).

Bà Lâm Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 940.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009342 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung